

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 354/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thúy D, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà D có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 19/7/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương. Ban đầu thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu nhau, sự việc đã diễn ra khoảng 5 năm đến 6 năm nay, nguyên nhân: Ông L thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Ông L đi làm nhưng không đem tiền về để cùng bà D chăm lo cho cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà D có vài lần bắt gặp ông L nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác. Ông L làm công việc bảo vệ lô cao su thuộc Nông trường cao su Minh Hòa thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cao su Dầu Tiếng, thường xuyên ở ngoài trạm bảo vệ, ít khi có mặt ở nhà. Từ những mâu thuẫn trên, bà D thấy rằng không còn tình cảm với ông L. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà D và ông L có 01 con chung tên Lê Trần Anh D2, sinh ngày 29/7/2013. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà D hiện nay đang làm văn thư cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và may thuê Tân Tiến, có địa chỉ tại ấp HT, xã MH, huyện Dầu Tiếng. Công việc của bà D ổn định, thu nhập trung bình hàng tháng là 9.300.000 đồng nên hoàn toàn có khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà D cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 19/7/2022; Bản sao căn cước công dân; bản sao sổ hộ khẩu; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án; bản tự khai ngày 19/7/2022; bản tự khai ngày 10/8/2022; đơn yêu cầu không hòa giải ngày 18/8/2022; giấy xác nhận lương ngày 22/8/2022.

Quá trình tiến hành tố tụng, tại Bản tự khai ngày 10/8/2022 bị đơn ông L trình bày: Ông L không đồng ý ly hôn với bà D, trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đôi lúc có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nhưng không quá lớn để dẫn đến việc phải ly hôn. Ông L còn thương vợ (bà D), muốn cho con một gia đình trọn vẹn, không muốn con phải sống không có tình thương của cha mẹ, xin cam kết sẽ thay đổi, sẽ không dẫn đến những cuộc cãi vã nữa.

Chứng cứ bị đơn ông L cung cấp: Bản tự khai ngày 10/8/2022; bản photo căn cước công dân.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Biên bản xác minh ngày 10/8/2022 của TAND huyện Dầu Tiếng đối với ông Chu Đức A là Trưởng ban lãnh đạo Ấp C, xã M, huyện D1, xác định được: Bà D và ông L có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký thường trú tại Ấp H, xã M, huyện D1. Tuy nhiên, bà D và ông L đến Ấp C, xã M, huyện D1 để sinh sống từ năm 2013 đến nay. Giữa bà D và ông L có mâu thuẫn vợ chồng nhưng không báo với địa phương. Ông L làm công nhân bảo vệ Nông trường cao su Minh Hòa và thường ở ngoài lô cao su (trạm bảo vệ), ít khi về nhà. Qua tìm hiểu, ông Đức Anh được biết ông L thường xuyên uống rượu, bia, kiếm chuyện chửi bới bà D, không chăm lo cho cuộc sống gia đình.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022, bà Ngô Thị Mỹ L1 cung cấp: Bà L1 có quan hệ là mẹ ruột của chị D, mẹ vợ của anh L. Anh L làm bảo vệ Nông trường cao su Minh Hòa thuộc Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng, thường xuyên ở ngoài lô cao su, ít khi ở nhà. Anh L ham mê ăn nhậu, thường xuyên uống rượu bia, không đưa tiền cho chị D nuôi con và lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, không chăm lo cho cuộc sống gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà D; bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt ông L theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Thúy D khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Văn L. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn ông Lê Văn L cư trú tại Ấp C, xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà D có mặt, bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D1, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà D và ông L đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà D và ông L thường xảy ra mâu thuẫn và kéo dài nhiều năm nay: Ông L thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Ông L đi làm nhưng không đem tiền về để cùng bà D chăm lo cho cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với gia đình. Đồng thời, theo bà D trình bày thì ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và ít khi có mặt ở nhà. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông L theo quy định tại các Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D với ông L có 01 con chung tên Lê Trần Anh D2, sinh ngày 29/7/2013. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: Cháu Duy hiện đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời cháu Duy có nguyện vọng được ở với mẹ là bà D; vì vậy, cần giao cháu Duy cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà D không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của bà D và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông L đều xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông L: Ông L không đồng ý ly hôn với bà D nhưng cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời ông L được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện ông L không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà D. Vì vậy, ý kiến trình bày của ông L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của bà Trần Thị Thúy D đối với ông Lê Văn L, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy D được ly hôn với ông Lê Văn L.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Trần Thị Thúy D được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Anh D2, sinh ngày 29/7/2013.

Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Trần Thị Thúy D về việc không yêu cầu ông Lê Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thúy D phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010759 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà D đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11/11/2022).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M, huyện D1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng